TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2018/DS-ST Ngày: 16-3-2018 V/v tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trung;

Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Thảo, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn B, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Hồng Ngự (Theo văn bản ủy quyền số 590/UQ-NHKL, ngày 24/4/2017). Cư trú tại: Số 38-40 đường Hùng Vương, khóm 2, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1970

Bà Bùi Ngọc E, sinh năm 1982

Cùng cư trú tại: ấp An Lợi, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2017, bổ sung ngày 09/11/2017 nguyên đơn Ngân hàng A, do ông Nguyễn Thanh C đại diện trình bày: Ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E có vay của Ngân hàng A số tiền gốc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012 cụ thể như sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012:

- Số tiền vay: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: Sản xuất lúa, hoạt động máy cày và nuôi heo.

- Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.

- Lãi suất: 2,000%/tháng, lãi suất này được điều chỉnh 06 tháng/ lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng A tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biện độ 0,86%/tháng. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời diểm phát sinh nợ quá hạn.

- Hình thức thanh toán: Vốn vay trả cuối kỳ, lãi vay trả 03 tháng 01 lần trùng với ngày nhận nợ đầu tiên.

- Mức phạt chậm trả lãi: 0,1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả.

1.2. Hợp đồng thế chấp tài sản số TT0264/HĐTC ngày 13/01/2012: Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số TT0264/HĐTC ngày 13/01/2012, được ký giữa đâị diện Ngân hàng A với ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E, được cộng chứng tại Phòng công chứng số 3 này 13/01/2012, tài sản thế chấp gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 125685, số vào sổ CH00311, do UBND thị xã Hồng Ngự cấp ngày 07/9/2010, thửa 753, tờ bản đồ 05, diện tích 3.264m^2, mục đích sử dụng: đất lúa, tọa lạc tại xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 978082, số vào sổ CH00932, do UBND thị xã Hồng Ngự cấp ngày 27/12/2011, thửa 305, tờ bản đồ 05, diện tích 4.061m^2, mục đích sử dụng: đất lúa, tọa lạc tại xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự.

Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Hồng Ngự ngày 13/01/2012 theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày nhận tiền đến nay ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E thanh toán được một phần lãi. Khi đến hạn thanh toán nợ, ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông D, bà E nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện, đo đó ông D và bà E đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký.

Tạm tính đến ngày 11/01/2018, hộ ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E còn nợ Ngân hàng A cụ thể là:

Tiền vốn gốc: 150.000.000đ, lãi trong hạn: 8.749.200đ, tiền phạt chậm trả lãi: 16.745.969đ, lãi quá hạn: 273.032.100đ.

Tại phiên tòa Ngân hàng A yêu cầu ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E trả số tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2018), trong đó, lãi trong hạn là 8.749.200đ, lãi quá hạn là 282.161.700đ, tiền phạt chậm trả lại là 17.305.981đ, tổng cộng là 458.216.818đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm mười sáu ngàn tám trăm mười tám đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012.

Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TT0264/HĐTC ngày 13/01/2012 của Ngân hàng A ký kết với ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E.

- Bị đơn ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E không có mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án*: Ngân hàng A yêu cầu ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E trả số tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2018), trong đó, lãi trong hạn là 8.749.200đ, lãi quá hạn là 282.161.700đ, tiền phạt chậm trả lại là 17.305.981đ, tổng cộng là 458.216.818đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm mười sáu ngàn tám trăm mười tám đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012. Xét thấy, ông D và bà E có ký hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012 với Ngân hàng A để vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày bên A (ông D và bà E) ký nhận nợ lần đầu. Tuy nhiên, đến hạn ông D và bà E không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng như đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D và bà E cố tình lẫn tránh không có mặt tại Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến hay cung cấp chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của mình. Do đó, buộc ông D và bà E phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2018), trong đó, lãi trong hạn là 8.749.200đ, lãi quá hạn là 282.161.700đ, tiền phạt chậm trả lại là 17.305.981đ, tổng cộng là 458.216.818đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm mười sáu ngàn tám trăm mười tám đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012 là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Khi vay thì ông D và bà E có làm hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng A hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn D đứng tên, nhưng Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng A có ý kiến khi nào ông D và bà E thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A tự nguyện trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D và bà E. Đây là sự tự nguyện của Ngân hàng A phù hợp pháp luật nên công nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên ông D và bà E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A, buộc ông D và bà E phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2018), trong đó, lãi trong hạn là 8.749.200đ, lãi quá hạn là 282.161.700đ, tiền phạt chậm trả lại là 17.305.981đ, tổng cộng là 458.216.818đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm mười sáu ngàn tám trăm mười tám đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2018), trong đó, lãi trong hạn là 8.749.200đ, lãi quá hạn là 282.161.700đ, tiền phạt chậm trả lãi là 17.305.918đ, tổng cộng là 458.216.818đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm mười sáu ngàn tám trăm mười tám đồng).

2. Ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số TT0264/HĐTD ngày 13/01/2012 đã ký giữa Ngân hàng A với ông bà cho đến khi trả nợ xong.

3. Về án phí:

+ Ông Lê Văn D và bà Bùi Ngọc E phải nộp 22.328.672đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.017.000đ theo biên lai số 14152 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

ơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm